

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST

Ngày 12-7-2019

V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Mỹ Thuần

Bà Phạm Thị Lâm Anh

- Thư ký phiên tòa: Ông Tạ Ngọc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Ngô Ngọc Quảng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 13/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 1 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2019/QĐXX-ST ngày 18/6/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2019/QĐHPT-ST ngày 05/7/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị L**, sinh năm: 1982.

ĐKNKTT: phường D, quận C, Hà Nội.

Nơi ở hiện tại: phường D, quận C, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: **Anh Đỗ Đăng L**, sinh năm: 1975.

ĐKNKTT: xã C, huyện T, thành phố Hà Nội.

Nơi ở hiện tại: phường D, quận C, thành phố Hà Nội.

(Có mặt chị L, vắng mặt anh L).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 10 năm 2018 và được bổ sung bằng lời khai tại Bản tự khai ngày 1 tháng 3 năm 2019 và các buổi làm việc tại tòa án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị L và anh Đỗ Đăng L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, C, Hà Nội ngày 08/01/2003. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống chung tại địa chỉ phường D, quận C, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến tháng 01 năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do tính cách vợ chồng không hòa hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh L không có trách nhiệm với gia đình, tiền chu cấp cho con hàng tháng không đủ, không quan tâm đến vợ con. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy giải quyết cho chị được ly hôn anh Đỗ Đăng L.

Về con chung: Chị L và anh L có 02 con chung là Đỗ Quang A (nam), sinh ngày 24/12/2003; Đỗ Phương A (nữ), sinh ngày 03/11/2012. Ly hôn, chị L đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con, còn việc anh L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung như nào là tùy anh L quyết định, chị cũng không có ý kiến gì.

Thu nhập bình quân của chị L khoảng 13 đến 15 triệu đồng/tháng, bao gồm tiền lương, tiền kinh doanh thêm.

Về tài sản chung (động sản, bất động sản): Chị L và anh L tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Chị L và anh L xác nhận không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 1 tháng 3 năm 2019 và các buổi làm việc tại Tòa án, bị đơn là anh Đỗ Đăng L trình bày:

- **Về tình cảm:** Anh Đỗ Đăng L hoàn toàn nhất trí với ý kiến của chị Nguyễn Thị L đã trình bày về thời gian kết hôn, quá trình chung sống của anh chị. Còn về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như chị L trình bày là chưa chính xác. Anh không đồng ý ly hôn với chị L vì những mâu thuẫn trong quá trình vợ chồng chung sống không lớn, chỉ là do chị L không tin tưởng anh, nghi ngờ anh có quan hệ với người phụ nữ khác và do những va chạm nhỏ trong sinh hoạt hàng ngày. Anh vẫn có trách nhiệm chu cấp đầy đủ cho các con và vẫn còn tình cảm với vợ. Anh L đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L để anh có cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Về con chung: Anh L và chị L có 02 con chung là Đỗ Quang A (nam), sinh ngày 24/12/2003; Đỗ Phương A (nữ), sinh ngày 03/11/2012. Nếu ly hôn, anh L đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

Thu nhập bình quân của anh L khoảng 15 triệu đồng/tháng.

Về tài sản chung (động sản, bất động sản): Anh L và chị L tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Anh L và chị L xác nhận không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài những yêu cầu trên chị L và anh L không đề nghị Tòa án giải quyết thêm vấn đề nào khác.

Tại phiên tòa hôm nay, chị L vẫn giữ nguyên những yêu cầu đã trình bày và đề nghị Tòa án chấp nhận những yêu cầu của chị. Anh L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến về việc tuân theo Pháp luật Tổ tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu; các đương sự chấp hành yêu cầu của Tòa án về việc giao nộp chứng cứ.

- Nguyên đơn có mặt. Bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tổ tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị L về việc đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đỗ Đăng L; Về con chung: Giao con chung Đỗ Quang A (nam), sinh ngày 24/12/2003 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Đỗ Phương A (nữ), sinh ngày 03/11/2012 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau; Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Chị L và anh L không yêu cầu giải quyết nên không xem

xét; Về nợ: Hai bên xác nhận không nợ ai và không cho ai vay nợ nên không xem xét;
Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị L phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả thảo luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- *Về thẩm quyền giải quyết:* Chị Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn đối với anh Đỗ Đăng L. Do đó, đây là vụ án tranh chấp ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Bị đơn là anh Đỗ Đăng L hiện nay đang cư trú tại phường D, quận C, thành phố Hà Nội. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- *Về trình tự tố tụng:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn có mặt và trình bày các quan điểm, yêu cầu của mình; bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điều 227; điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

- *Về tình cảm:* Chị Nguyễn Thị L kết hôn với anh Đỗ Đăng L trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, quận C, thành phố Hà Nội ngày 08/1/2003 nên quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh L là hợp pháp.

Quá trình chung sống chị L và anh L chỉ hòa thuận được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn và không có hạnh phúc, nguyên nhân chủ yếu do bất đồng trong cách sống, trong kinh tế, trong cách nuôi dạy con, và những mâu thuẫn trong cuộc sống không được giải quyết mà cứ tích tụ lại dẫn tới việc anh chị hay xảy ra cãi nhau, xúc phạm nhau. Nay chị L xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết được, không có khả năng đoàn tụ, tình cảm vợ chồng không còn, chị kiên quyết xin ly hôn. Bản thân anh L cũng thừa nhận trong quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chỉ do những nguyên nhân nhỏ nhặt, hiểu lầm nhau, chưa đến mức phải ly hôn và anh vẫn còn tình cảm với chị L nên không đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân tồn tại phải trên cơ sở tình cảm tự nguyện của cả hai bên, không vì bất cứ mục đích nào khác. Lý do anh L không đồng ý ly hôn không phải là căn cứ để tồn tại hạnh phúc gia đình. Thực tế mâu thuẫn của anh chị đã căng thẳng, kéo dài, cuối năm 2017 chị L đã gửi đơn xin ly hôn anh L ra Tòa án sau đó xin rút đơn về để cho anh L có cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mặc dù

đã được Tòa án hòa giải rất nhiều lần và tạo điều kiện về thời gian để anh L đưa ra biện pháp cải thiện tình cảm vợ chồng, tuy nhiên cũng không đạt kết quả gì. Do vậy cuộc sống chung vợ chồng giữa chị L và anh L không thể tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị L yêu cầu được ly hôn với anh L là có căn cứ, phù hợp thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 cần được chấp nhận.

- *Về con chung*: Chị L và anh L xác nhận có 02 con chung là Đỗ Quang A (nam), sinh ngày 24/12/2003 và Đỗ Phương A (nữ), sinh ngày 03/11/2012. Trong trường hợp ly hôn, chị L và anh L đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị L và anh L là chính đáng. Tuy nhiên, khi giao con cho ai nuôi Hội đồng xét xử xem xét để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển toàn diện một cách tốt nhất của các cháu. Chị L là người mẹ từ trước đến nay vẫn chăm lo cho các cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường, học tập tốt, chị L có công việc thu nhập ổn định và có thời gian đảm bảo để chăm sóc các con tốt nhất. Anh L đi làm xa, không đảm bảo thời gian để chăm lo cho con được tốt, thu nhập không ổn định, anh L cho rằng thu nhập bình quân của anh khoảng 15 triệu đồng/tháng nhưng anh không chứng minh được thu nhập đó. Và quan trọng nhất là cả hai con chung của anh chị đều có nguyện vọng được ở với chị L khi anh chị ly hôn.

Do đó để tránh xáo trộn cuộc sống và đảm bảo cho con chung có đời sống tinh thần, điều kiện vật chất cũng như đảm bảo quyền lợi và sự phát triển tốt nhất nên chấp nhận yêu cầu của chị L, giao cả hai con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp với hoàn cảnh thực tế, phù hợp với ý chí nguyện vọng của con chung và phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Ghi nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh L đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; tuy nhiên nếu anh L lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của anh L theo Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 .

- *Về tài sản chung (động sản và bất động sản)*: Chị L và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về nợ*: Chị L và anh L xác nhận vợ chồng không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] **Về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo**: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chị L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ

thăm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006615 ngày 04 tháng 1 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Xác nhận chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ điều 271, 273 Bộ luật tố tụng Dân sự: Chị L, anh L được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Khoản 4 Điều 147, Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. ***Về quan hệ hôn nhân***: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L đối với anh Đỗ Đăng L. Chị L được ly hôn với anh L.

2. ***Về con chung***: Xác nhận chị L và anh L có hai con chung là Đỗ Quang A (nam), sinh ngày 24/12/2003 và Đỗ Phương A (nữ), sinh ngày 03/11/2012. Ly hôn, giao cả hai con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh L đến khi chị L có yêu cầu hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác của pháp luật.

Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của anh L nếu anh L lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. ***Về tài sản chung*** (Động sản và bất động sản): Chị L và anh L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. ***Về nợ***: Chị L và anh L xác nhận không nợ ai và không cho ai vay nợ nên không xem xét giải quyết.

5. ***Về án phí***: Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006615 ngày 04 tháng 1 năm 2019 của

Chi cục Thi hành án dân sự quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Xác nhận chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Chị L được quyền kháng bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lưu được quyền kháng bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND TP.Cầu Giấy;
- VKSND quận Cầu Giấy;
- Chi cục THADS quận Cầu Giấy;
- UBND phường D,Q.C;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Ngọc Hà